



WIKIPEDIA
Bách khoa toàn thư mở



Trường lão bộ

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Bài này viê t về một trong hai bộ phái Phật giáo sơ khai. Đố i với đại biểu Phật giáo Nam truyề n hiện đại, xem Thượng tọa bộ.

Trường lão bộ (tiế ng Phạn: स्थविरवाद, *sthaviravāda*, tiế ng Pali: *theravāda*, tiế ng Tạng: *Neten depa*, chữ Hán: 上座部) là một trong hai bộ phái Phật giáo đầ u tiên của Phật giáo sơ kỳ. Bộ phái này gồ m những tăng sĩ có tư tưởng bảo thủ, muố n duy trì nguyên vẹn những giới luật hình thành từ thời Phật tại thế , vì vậy sau Đại hội kế t tập kinh điển Phật giáo lâ n thứ hai đã tách khỏi tăng-già nguyên thủy với đa số là tăng sĩ có quan điểm cá p tiế n.^[1]

Hình thành

Hầ u hế t các tài liệu đề u cho rằ ng Trường lão bộ được hình thành từ sau Đại hội kế t tập lâ n thứ hai. Tuy lý do đề triệu tập của Đại hội kế t tập lâ n thứ hai là khá khó hiểu và mơ hồ , nhưng các học giả đề u thố ng nhâ t kế t quả của nó là sự chia rẽ đầ u tiên trong Tăng đoàn, hình thành nên Trường lão bộ và Đại chúng bộ (*Mahāsāṃghika*).^[1]

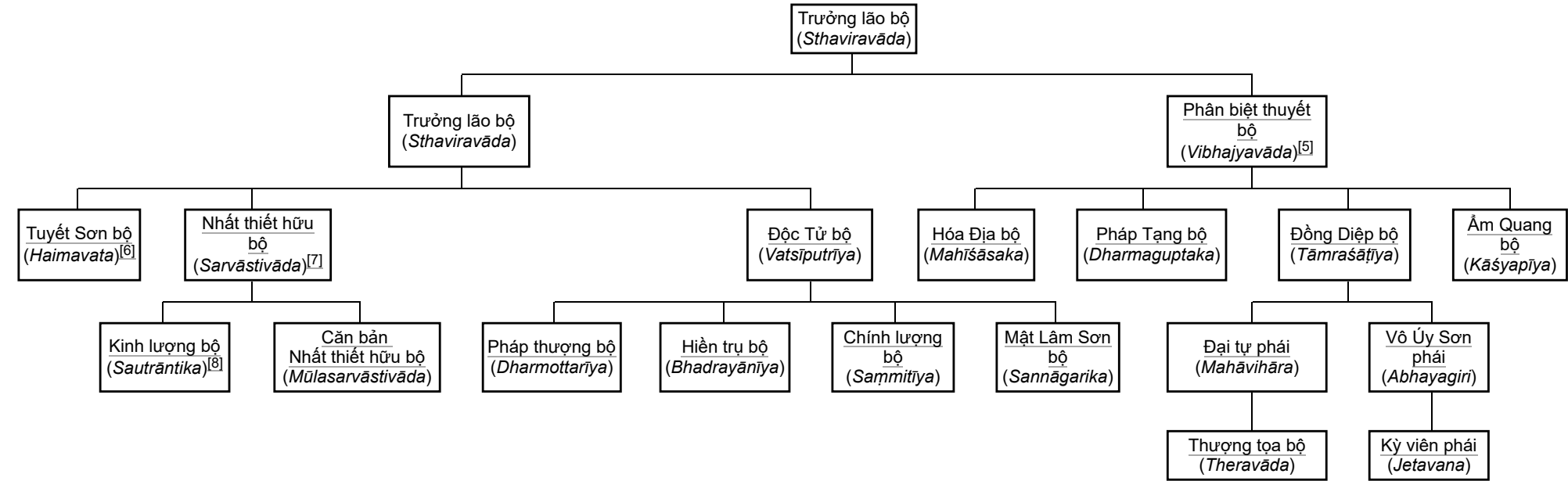
Nguyên nhân của sự chia rẽ này vẫn chưa được các học giả thố ng nhâ t. Theo truyề n thố ng của Theravāda, dẫn theo Đại sử (*Mahāvastu*), nguyên nhân gây chia rẽ là sự tranh chấ p về 10 điề u hợp pháp (*Dasavatthūni*) do tăng chúng xứ Bạt-kỳ (*Vajji*) đề xuấ t. Một thuyề t khác cũng phổ biế n khác, nguyên nhân chia rẽ tăng đoàn là từ mâu thuẫn của 5 luận điểm (*pañcavastu*) về A-la-hán do Đại Thiên (*Mahādeva*) đề xuấ t. Các nhà nghiên cứu hiện đại như André Bareau, Paul Demiéville, Nalinaksha Dutt... đề u thiên về một trong hai thuyề t chính trên, nhưng tấ t cả đề u thố ng nhâ t quan điểm bản chấ t sự chia rẽ liên quan đế n giới luật (*vinaya*).

Phân chia thành các bộ phái nhỏ

Sự bắ t đầ ng về giới luật tiế p tục là nguyên nhân của các sự chia rẽ tiế p theo đố ở cả Trường lão bộ (*Sthaviravāda*) và Đại chúng bộ (*Mahāsāṃghika*). Trường lão bộ sau đó phân chia thành các bộ phái nhỏ hơn, tuy nhiên số lượng, tên gọi và hệ truyề n thừa của các bộ phái về sau ghi nhận không thố ng nhâ t. Khái quát sự khác biệt này theo hai nhánh Nam tông và Bắ c tông như sau:

Bảng đối chiếu phân tách bộ phái	
Truyền thống Nam tông	Truyền thống Bắc tông
Trường lão bộ (Sthaviravāda)	
- Phân biệt thuyết bộ (Vibhajjavāda) - Thượng tọa bộ (Theravāda) - Hóa Địa bộ (Mahīśāsaka) - Pháp Tạng bộ (Dharmaguptaka) - Nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivāda) - Âm Quang bộ (Kāśyapīya) - Thuyết chuyển bộ (Sankrantika) - Thuyết kinh bộ (Sautrāntika) - Độc Tử bộ (Vatsīputrīya) - Pháp thượng bộ (Dharmottarīya) - Hiện trụ bộ (Bhadrāyānīya) - Mật Lâm Sơn bộ (Sannāgarika) - Chính lượng bộ (Saṃmitīya)	- Tuyết Sơn bộ (Haimavata) - Nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivāda) - Độc Tử bộ (Vatsīputrīya) - Pháp thượng bộ (Dharmottarīya) - Hiện trụ bộ (Bhadrāyānīya) - Chính lượng bộ (Saṃmitīya) - Mật Lâm Sơn bộ (Sannāgarika) - Hóa Địa bộ (Mahīśāsaka) - Pháp Tạng bộ (Dharmaguptaka) - Âm Quang bộ (Kāśyapīya) - Kinh lượng bộ (Sautrāntika)

Theo các nhà nghiên cứu hiện đại, căn cứ vào việc khảo cứu đồ i chiế u giữa các tài liệu Trường lão bộ và Đại chúng bộ, sự phân chia bộ phái của Trường lão bộ có thể gián hóa.^[2]^[3]^[4]



Liên hệ đến Theravāda

Truyền thống Theravāda của ở Sri Lanka và Đông Nam Á đã tự nhận mình có nguồn gốc trực tiếp từ Trưởng lão bộ, vì từ "thera" trong tiếng Pali tương đương với "sthavira" trong tiếng Phạn.^[2] Điều này đã làm cho các nhà sử học phương Tây ban đầu nhầm lẫn và cho rằng hai trường phái này là giống hệt nhau.^[2] Tuy nhiên, theo học giả Damien Keown, qua các khảo cứu hiện đại, không có bằng chứng lịch sử nào cho thấy hệ phái Theravada đã phát sinh cho đến khoảng hai thế kỷ sau cuộc đại phân ly xảy ra sau Đại hội kết tập lần thứ ba.^[9] Vào thời điểm đó, Trưởng lão bộ đã bị phân chia thành nhiều bộ phái nhỏ hơn.^[2] Chỉ đến vào thế kỷ thứ IV, qua biên niên sử Dipavamsa (Đảo sử), các tăng sĩ Mahāvihāra ở Sri Lanka đã bắt đầu vào có gắng xác định nguồn gốc kế thừa của mình với Trưởng lão bộ.^[10] Theo học giả Bhante Sujato, mô hình liên hệ này thực chất xác định Trưởng lão bộ (*Sthaviravāda*) là nguồn gốc của một nhóm các bộ phái liên quan, một trong số đó là Thượng tọa bộ (*Theravāda*).^[11]

Chú thích

1. ^ ^a ^b Harvey, Peter (2013). *An Introduction to Buddhism: Teachings, History and Practices* (2nd ed.). Cambridge, UK: Cambridge University Press. pg. 89-90.
2. ^ ^a ^b ^c ^d Skilton 2004, tr. 66-67.
3. ^ ^a ^b ^c ^d ^e ^f ^g ^h ⁱ ^j ^k ^l ^m ⁿ ^o ^p ^q ^r ^s ^t ^u ^v ^w ^x ^y ^z ^{aa} ^{ab} ^{ac} ^{ad} ^{ae} ^{af} ^{ag} ^{ah} ^{ai} ^{aj} ^{ak} ^{al} ^{am} ^{an} ^{ao} ^{ap} ^{aq} ^{ar} ^{as} ^{at} ^{au} ^{av} ^{aw} ^{ax} ^{ay} ^{az} ^{ba} ^{bb} ^{bc} ^{bd} ^{be} ^{bf} ^{bg} ^{bh} ^{bi} ^{bj} ^{bk} ^{bl} ^{bm} ^{bn} ^{bo} ^{bp} ^{bq} ^{br} ^{bs} ^{bt} ^{bu} ^{bv} ^{bw} ^{bx} ^{by} ^{bz} ^{ca} ^{cb} ^{cc} ^{cd} ^{ce} ^{cf} ^{cg} ^{ch} ^{ci} ^{cj} ^{ck} ^{cl} ^{cm} ^{cn} ^{co} ^{cp} ^{cq} ^{cr} ^{cs} ^{ct} ^{cu} ^{cv} ^{cw} ^{cx} ^{cy} ^{cz} ^{da} ^{db} ^{dc} ^{dd} ^{de} ^{df} ^{dg} ^{dh} ^{di} ^{dj} ^{dk} ^{dl} ^{dm} ^{dn} ^{do} ^{dp} ^{dq} ^{dr} ^{ds} ^{dt} ^{du} ^{dv} ^{dw} ^{dx} ^{dy} ^{dz} ^{ea} ^{eb} ^{ec} ^{ed} ^{ee} ^{ef} ^{eg} ^{eh} ^{ei} ^{ej} ^{ek} ^{el} ^{em} ^{en} ^{eo} ^{ep} ^{eq} ^{er} ^{es} ^{et} ^{eu} ^{ev} ^{ew} ^{ex} ^{ey} ^{ez} ^{fa} ^{fb} ^{fc} ^{fd} ^{fe} ^{ff} ^{fg} ^{fh} ^{fi} ^{fj} ^{fk} ^{fl} ^{fm} ^{fn} ^{fo} ^{fp} ^{fq} ^{fr} ^{fs} ^{ft} ^{fu} ^{fv} ^{fw} ^{fx} ^{fy} ^{fz} ^{ga} ^{gb} ^{gc} ^{gd} ^{ge} ^{gf} ^{gg} ^{gh} ^{gi} ^{gj} ^{gk} ^{gl} ^{gm} ^{gn} ^{go} ^{gp} ^{gq} ^{gr} ^{gs} ^{gt} ^{gu} ^{gv} ^{gw} ^{gx} ^{gy} ^{gz} ^{ha} ^{hb} ^{hc} ^{hd} ^{he} ^{hf} ^{hg} ^{hh} ^{hi} ^{hj} ^{hk} ^{hl} ^{hm} ^{hn} ^{ho} ^{hp} ^{hq} ^{hr} ^{hs} ^{ht} ^{hu} ^{hv} ^{hw} ^{hx} ^{hy} ^{hz} ^{ia} ^{ib} ^{ic} ^{id} ^{ie} ^{if} ^{ig} ^{ih} ⁱⁱ ^{ij} ^{ik} ^{il} ^{im} ⁱⁿ ^{io} ^{ip} ^{iq} ^{ir} ^{is} ^{it} ^{iu} ^{iv} ^{iw} ^{ix} ^{iy} ^{iz} ^{ja} ^{jb} ^{jc} ^{jd} ^{je} ^{jf} ^{jj} ^{jk} ^{jl} ^{jm} ^{jn} ^{jo} ^{jp} ^{jq} ^{jr} ^{js} ^{jt} ^{ju} ^{jv} ^{jw} ^{jx} ^{ky} ^{kz} ^{la} ^{lb} ^{lc} ^{ld} ^{le} ^{lf} ^{lg} ^{lh} ^{li} ^{lj} ^{lk} ^{ll} ^{lm} ^{ln} ^{lo} ^{lp} ^{lq} ^{lr} ^{ls} ^{lt} ^{lu} ^{lv} ^{lw} ^{lx} ^{ly} ^{lz} ^{ma} ^{mb} ^{mc} ^{md} ^{me} ^{mf} ^{mg} ^{mh} ^{mi} ^{mj} ^{mk} ^{ml} ^{mm} ^{mn} ^{mo} ^{mp} ^{mq} ^{mr} ^{ms} ^{mt} ^{mu} ^{mv} ^{mw} ^{mx} ^{my} ^{mz} ^{na} ^{nb} ^{nc} nd ^{ne} ^{nf} ^{ng} ^{nh} ⁿⁱ ^{nj} ^{nk} ^{nl} ^{nm} ⁿⁿ ^{no} ^{np} ^{nq} ^{nr} ^{ns} ^{nt} ^{nu} ^{nv} ^{nw} ^{nx} ^{ny} ^{nz} ^{oa} ^{ob} ^{oc} ^{od} ^{oe} ^{of} ^{og} ^{oh} ^{oi} ^{oj} ^{ok} ^{ol} ^{om} ^{on} ^{oo} ^{op} ^{oq} ^{or} ^{os} ^{ot} ^{ou} ^{ov} ^{ow} ^{ox} ^{oy} ^{oz} ^{pa} ^{pb} ^{pc} ^{pd} ^{pe} ^{pf} ^{pg} ^{ph} ^{pi} ^{pj} ^{pk} ^{pl} ^{pm} ^{pn} ^{po} ^{pp} ^{pq} ^{pr} ^{ps} ^{pt} ^{pu} ^{pv} ^{pw} ^{px} ^{py} ^{pz} ^{qa} ^{qb} ^{qc} ^{qd} ^{qe} ^{qf} ^{qg} ^{qh} ^{qi} ^{qj} ^{qk} ^{ql} ^{qm} ^{qn} ^{qo} ^{qp} ^{qq} ^{qr} ^{qs} ^{qt} ^{qu} ^{qv} ^{qw} ^{qx} ^{qy} ^{qz} ^{ra} ^{rb} ^{rc} rd ^{re} ^{rf} ^{rg} ^{rh} ^{ri} ^{rj} ^{rk} ^{rl} ^{rm} ^{rn} ^{ro} ^{rp} ^{rq} ^{rr} ^{rs} ^{rt} ^{ru} ^{rv} ^{rw} ^{rx} ^{ry} ^{rz} ^{sa} ^{sb} ^{sc} ^{sd} ^{se} ^{sf} ^{sg} ^{sh} ^{si} ^{sj} ^{sk} ^{sl} sm ^{sn} ^{so} ^{sp} ^{sq} ^{sr} ^{ss} st ^{su} ^{sv} ^{sw} ^{sx} ^{sy} ^{sz} ^{ta} ^{tb} ^{tc} ^{td} ^{te} ^{tf} ^{tg} th ^{ti} ^{tj} ^{tk} ^{tl} tm ^{tn} ^{to} ^{tp} ^{tr} ^{ts} ^{tt} ^{tu} ^{tv} ^{tw} ^{tx} ^{ty} ^{tz} ^{ua} ^{ub} ^{uc} ^{ud} ^{ue} ^{uf} ^{ug} ^{uh} ^{ui} ^{uj} ^{uk} ^{ul} ^{um} ^{un} ^{uo} ^{up} ^{uq} ^{ur} ^{us} ^{ut} ^{uu} ^{uv} ^{uw} ^{ux} ^{uy} ^{uz} ^{va} ^{vb} ^{vc} ^{vd} ^{ve} ^{vf} ^{vg} ^{vh} ^{vi} ^{vj} ^{vk} ^{vl} ^{vm} ^{vn} ^{vo} ^{vp} ^{vq} ^{vr} ^{vs} ^{vt} ^{vu} ^{vv} ^{vw} ^{vx} ^{vy} ^{vz</}

Tham khảo

- Paul Demiéville, *À propos du Concile de Vaisāli. T'oung Pao* **40**, 1951. Leiden: E.J. Brill, pp. 239–296.
- André Bareau, *Les Sectes bouddhiques du petit véhicule et leurs Abhidharmapiṭaka*, Paris, PESEO, 1955, 310 p. [1] (<https://fr.scribd.com/document/216283702/Bareau-1955-Les-sectes-bouddhiques-du-petit-vehicule-pdf>)
- André Bareau, *Les premiers conciles bouddhiques*, Annales du Musée Guimet, 1955, XII-150 p.
- Ấn Thuận (印順), *Phật giáo Ấn Độ* (印度之佛教), 1943.
- Ấn Thuận (印順), *Tuyển tập Kinh văn Phật giáo nguyên thủy* (原始佛教聖典之集成), 1971.
- Ấn Thuận (印順), *Lịch sử tư tưởng Phật giáo Ấn Độ* (印度佛教思想史), 1988.
- Hirakawa, Akira; Groner, Paul (1998), *A History of Indian Buddhism: From Śākyamuni to Early Mahāyāna*, Motilal Banarsidass, ISBN 9788120809550
- Dutt, Nalinaksha (2007), *Buddhist Sects in India*, Motilal Banarsidass, ISBN 978-8120804289
- Keown, Damien (2003), *A Dictionary of Buddhism*, Oxford University Press, ISBN 978-0198605607
- Morgan, Diane (2010), *Essential Buddhism: A Comprehensive Guide to Belief and Practice*, Praeger, ISBN 978-0313384523
- Skilton, Andrew (2004), *A Concise History of Buddhism*, Windhorse Publications, ISBN 978-0904766929
- Sujato, Bhante (2006), *Sects & Sectarianism: The Origins of Buddhist Schools*, Santi Forest Monastery, Bản gốc lưu trữ ngày 17 tháng 7 năm 2021, truy cập ngày 17 tháng 7 năm 2021
- Williams, Paul (2004), *Buddhism: Critical Concepts in Religious Studies*, vol. 2., Routledge, ISBN 978-0415332262
- Yao, Zhihua (2012), *The Buddhist Theory of Self-Cognition*, Routledge, ISBN 978-0415544382
- Thích Nguyên Lộc, *Nguyên nhân phân phái đầu tiên trong Phật giáo Ấn Độ & kỷ kết tập thứ hai* (<https://giacngo.vn/nguyen-nhan-phan-phai-dau-tien-trong-phat-giao-an-do-ky-kiet-tap-thu-hai-post22419.html>)

Lấy từ "https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Trưởng_lão_bộ&oldid=67950227"